

Bản án số: 254/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly  
hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Nguyễn Thị Luyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 235/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T; nơi thường trú: Tổ A phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số B tổ A phường N, quận L, thành phố Hải Phòng;

- Bị đơn: Anh Lê Đình H; nơi thường trú: Xóm C, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số 42a De Havilland Drive Goodwood H, A, New Zealand 2105.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là chị Đoàn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 12 năm 2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Đến đầu tháng 02 năm 2024 anh Lê Đình H đi xuất khẩu lao động sang New Zealand làm ăn sinh sống. Cũng trong thời gian này vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Lê Đình H sống ở nước ngoài lên ít quan tâm

được đến vợ con, mỗi khi điện thoại cho nhau thường xảy ra to tiếng dẫn đến tình cảm rạn nứt. Hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng đều không đạt kết quả. Đến nay anh chị quyết định ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H có 02 con chung là: Cháu Lê Đình L, sinh ngày 13/11/2007, và cháu Lê Văn B, sinh ngày 27/5/2014. Hiện nay, các cháu đang ở cùng chị Đoàn Thị T. Sau khi ly hôn do anh Lê Đình H ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc các cháu nên chị đề nghị giao cả 02 con chung cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết

*Tại Bản tự khai của anh Lê Đình H đã hợp pháp hoá lãnh sự tại của Đ tại New Zealand trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình H thống nhất với lời trình bày của chị Đoàn Thị T về thời điểm kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng và tình trạng mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân hiện nay giữa hai bên. Đến nay, anh Lê Đình H và chị Đoàn Thị T xác định đã không còn tình cảm. Nay chị Đoàn Thị T làm đơn xin ly hôn với anh Lê Đình H, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Đoàn Thị T được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Cháu Lê Đình L, sinh ngày 13/11/2007, và cháu Lê Văn B, sinh ngày 27/5/2014. Hiện nay, các cháu đang ở cùng chị Đoàn Thị T. Sau khi ly hôn do anh Lê Đình H ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc các cháu. Nên anh chị đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn chị Đoàn Thị T và bị đơn anh Lê Đình H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng, bị đơn là anh Lê Đình H hiện đang ở nước ngoài. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H

theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 12 năm 2006. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm, lối sống. Hai bên gia đình đã hòa giải mâu thuẫn giữa anh chị nhưng không đạt kết quả. Nay chị Đoàn Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Đình H, anh Lê Đình H đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Nhận thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị T đối với anh Lê Đình H.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Cháu Lê Đình L, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2007, và cháu Lê Văn B, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2014. Xét thấy: Hiện nay, các con đều đang ở cùng chị Đoàn Thị T, anh Lê Đình H ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc các con. Hai con đều có đơn nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc giao hai con chung là Lê Đình L và Lê Đình B1 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H tự thoả thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Lê Đình H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là: Lê Đình L, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2007 và Lê Văn B, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2014 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Đình H tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000620 ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đoàn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đoàn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Lê Đình H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Trần Thị Vân Thuý**

